

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM

Năm học 2021- 2022

1. Các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Các môn học và hoạt động giáo dục	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tiếng Việt	198	55.9	156	44.1		
2	Toán	263	74.0	91	26.0		
3	Tự nhiên và Xã hội	147	70.6	61	29.4		
4	Khoa học	68	46,9	77	53,1		
5	Lịch sử và Địa lý	84	57,9	61	42,1		
6	Âm nhạc	222	62.7	132	37.3		
7	Mĩ thuật	215	60.7	139	39.3		
8	Thủ công, Kỹ thuật	119	55.3	96	44.7		
9	Thể dục/GDTC	233	65.8	121	34.2		
10	Ngoại ngữ	142	40.1	212	59.9		
11	Tin học	199	56.2	155	43.8		
12	Đạo đức	249	70.3	105	29.7		

2. Năng lực

* Khối 3,4,5

Năng lực	Tốt		Đạt		CCG	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tự phục vụ, tự quản	142	66.0	73	44.0	0	
Hợp tác	146	67.9	69	32.1	0	
Tự học và giải quyết vấn đề	144	66.9	71	33.1	0	

* Khối 1,2

Năng lực	Tốt		Đạt		CCG	
	Số lượng	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Tự chủ và tự học	116 (54)	83,4%	23 (8)	16,6%		
Giao tiếp và hợp tác	117 (54)	84,1%	22 (8)	15,9%		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	99 (51)	71,2%	40 (11)	28,8%		
Ngôn ngữ	84 (47)	60,5%	55 (15)	39,5%		
Tính toán	119 (53)	85,6%	20 (9)	14,4%		
Khoa học	105 (51)	75,5%	34 (11)	24,5%		
Công nghệ	104 (47)	74,8%	35 (15)	25,2%		

Tin học	98 (47)	70,5%	41 (15)	29,5%		
Thế chất	106 (53)	76,2%	33 (9)	23,8%		
Thẩm mĩ	93 (47)	67%	46 (15)	33%		

3. Phẩm chất

* Khối 3,4,5

Phẩm chất	Tốt		Đạt		CCG	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Chăm học, chăm làm	152	70.6	63	29.4		
Tự tin, trách nhiệm	155	72.0	60	28.0		
Trung thực, kỉ luật	157	73.0	58	27.0		
Đoàn kết, yêu thương	168	78.1	47	21.9		

* Khối 1,2

Phẩm chất	Tốt		Đạt		CCG	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Yêu nước	135(62)	97%	4	3%		
Nhân ái	135(62)	97%	4	3%		
Chăm chỉ	119(59)	85,6%	20(3)	14,4%		
Trung thực	134(56)	96,4%	15(6)	3,6%		
Trách nhiệm	120(56)	86,3%	19(6)	13,7%		

4. Kết quả giáo dục

	Số lượng	Nữ	Tỉ lệ	Số lượng	Nữ	Tỉ lệ
Hoàn thành xuất sắc (khối 1,2)	79	42	54.2			
Hoàn thành tốt	118		33.3			
Hoàn Thành	157		45.1			
CHT	0					

5. Khen thưởng

Danh hiệu	Số lượng	Nữ	Tỉ lệ
- HS Hoàn thành xuất sắc (Khối 1,2)	79		54.2
- HS tiêu biểu hoàn thành tốt nội dung HT và rèn luyện (Khối 1,2)	45		32.1
- HS Hoàn Thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện (Khối 3,4,5)	76		35.3
- HS có thành tích vượt trội 1 môn học (khối 3,4,5)	82		38.1
- Khen thưởng đột xuất	0		

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xâm

